

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 01 năm 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG - TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Phạm Hồng Diễm.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Lý Văn Trường và ông Vương Đức Quân.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Giàng Mạnh Vàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai*** tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Quang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân huyện Mường Khương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ly Ý C. Sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn LKN, xã LKN, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Vàng Thị D. Sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn LKN, xã LKN, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, vắng mặt (vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 10 năm 2022 và bản tự khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Ly Ý C trình bày:

Anh và chị Vàng Thị D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, đến năm 2010 anh chị mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, trong cuộc sống thường xuyên bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2020, chị D đã nộp đơn ra Tòa án nhân dân huyện Mường Khương để ly hôn, sau đó vợ chồng lại rút đơn quay về đoàn tụ, tuy nhiên sau khi quay về vợ chồng vẫn

cãi chửi nhau. Vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vàng Thị D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có hai người con chung là cháu Ly Minh N, sinh ngày 22/12/2008 và cháu Ly Minh N1, sinh ngày 17/12/2012. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu đến tuổi trưởng thành. Anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cho chị Vàng Thị D và tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị D đều vắng mặt. Tòa án đã lấy lời khai của chị Vàng Thị Vẽ (là em gái ruột của chị D) thì được biết: Bố mẹ chị tổ chức cưới cho chị Vàng Thị D và anh Ly Ý C vào năm 2008, sau khi chung sống được khoảng 02 năm thì anh C và chị D mới đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng họ đã có 02 con chung. Trong khoảng thời gian anh C, chị D chung sống, do điều kiện kinh tế khó khăn nên cả hai vợ chồng đều phải đi làm thuê kiếm sống. Cách đây khoảng 02 năm anh C, chị D về nhà mẹ đẻ của chị D và hai người có xảy ra cãi nhau, anh C đánh chị D, khi về nhà chị D nộp đơn xin ly hôn, sau đó rút đơn. Về được một thời gian vợ chồng anh chị lại bất đồng quan điểm nên chị D không sống cùng anh C mà đi làm thuê và vẫn gửi tiền về cho anh C nuôi con nhưng ít về nhà. Việc anh C nộp đơn ly hôn chị D có biết, chị D bảo đồng ý ly hôn, tuy nhiên do chị sợ anh C nên chị D không dám về.

Tòa án cũng lấy lời khai của mẹ đẻ anh Ly Ý C được biết do mấy năm gần đây anh C, chị D thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng không có kết quả. Chị D đã nộp đơn ra Tòa án xin ly hôn nhưng lại rút đơn về. Sau khi quay về anh chị lại cãi nhau nhiều hơn.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương được biết: Nguyên nhân mâu thuẫn của anh C và chị D là do điều kiện gia đình khó khăn về kinh tế, cả hai vợ chồng ngoài làm ruộng, nương thì cả hai vợ chồng đều đi làm thuê. Tại thời điểm hiện tại chị D không ở nhà, chỉ có anh C ở nhà cùng các con.

Tòa án đã ra thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị D không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã thông báo cho chị D kết quả phiên họp công khai chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và niêm yết tại địa phương theo quy định.

Tại phiên tòa, anh Ly Ý C vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị D vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định, việc chấp hành pháp luật của bị đơn là chưa đúng.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện sát nhân dân huyện Mường Khương đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân gia

đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Ly Ý C được ly hôn chị Vàng Thị D.

Về con chung: Giao cháu Ly Minh N, sinh ngày 22/12/2008 và cháu Ly Minh N1, sinh ngày 17/12/2012 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập xử lý. Tuyên án phí, quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Anh Ly Ý C khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết việc nuôi con chung với chị Vàng Thị D nên xác định đây là vụ án về Hôn nhân và gia đình. Anh C và chị D đều đăng ký hộ khẩu và cư trú tại thôn Lùng Khẩu Nhin, xã Lùng Khẩu Nhin, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Ly Ý C vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Vàng Thị D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đủ căn cứ xác định: Anh Ly Ý C và chị Vàng Thị D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, đến năm 2010 thì mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lùng Khẩu Nhin, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị D là hợp pháp. Năm 2019 thì vợ chồng họ xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2020, chị D đã nộp đơn ra Tòa án để xin ly hôn sau đó lại rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ, nhưng về nhà vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn của anh C và chị D đã trầm trọng vì mâu thuẫn của anh chị đã xảy ra trong thời gian dài, được gia đình khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, dẫn đến trong cuộc sống thường xuyên cãi chửi nhau. Vì vậy cần xử cho anh Ly Ý C được ly hôn chị Vàng Thị D là phù hợp. Quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị D chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về con chung của vợ chồng:

Quá trình chung sống anh Ly Ý C và chị Vàng Thị D có 02 người con chung là cháu Ly Minh N, sinh ngày 22/12/2008 và cháu Ly Minh N1, sinh ngày 17/12/2012. Anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Tòa án nhận thấy cả hai con chung của anh chị chủ yếu do anh C chăm sóc, nuôi dưỡng; nghề nghiệp chính của anh C là làm nghề sản xuất nông nghiệp, thu nhập hàng tháng bình quân khoảng 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng/tháng. Tòa án cũng hỏi ý kiến của cháu Ly Minh N và cháu Ly Minh N1, cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với anh C. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần cũng như đảm bảo việc học tập của các cháu ổn định, cần giao cháu Ly Minh N và cháu Ly Minh N1 cho anh C nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung:

Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí:

Anh Ly Ý C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Ly Ý C; xử cho anh Ly Ý C được ly hôn chị Vàng Thị D.

2. *Về con chung:* Giao cháu Ly Minh N, sinh ngày 22/12/2008 và cháu Ly Minh N1, sinh ngày 17/12/2012 cho anh Ly Ý C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Vàng Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Anh Ly Ý C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai theo biên lai ký hiệu AC-21P, số 0006565, ngày 05 tháng 10 năm 2022.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện MK, VKSND tỉnh Lào Cai;
- Chi cục THADS huyện Mường Khương;
- Các đương sự;
- UBND xã LKN, huyện MK;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Hồng Diện

